

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ
dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về Kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán thu năm 2024:

- Dự toán thu đã giao năm 2024: Tổng thu ngân sách nhà nước huyện: 1.201.448.000.000 đồng (Một ngàn hai trăm lẻ một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng). Tổng thu cân đối năm 2024: 716.843.000.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu đồng).

- Dự toán thu năm 2024 sau khi điều chỉnh: Tổng thu ngân sách nhà nước huyện: 1.219.860.000.000 đồng (Một ngàn hai trăm mười chín tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng). Tổng thu cân đối: 735.255.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), điều chỉnh tăng 18.412.000.000 đồng (Mười tám tỷ, bốn trăm mười hai triệu đồng).

2. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024:

- *Dự toán chi đã giao năm 2024*: Tổng chi cân đối: 716.843.000.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu đồng), trong đó: Chi đầu tư phát triển: 119.123.000.000 đồng; Chi đầu tư phát triển khác: 3.000.000.000 đồng; Chi thường xuyên: 578.720.000.000 đồng; Dự phòng: 16.000.000.000 đồng; Kết dư: 00 đồng.

- *Dự toán chi năm 2024 sau khi điều chỉnh*: Tổng chi cân đối: 735.255.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), trong đó: Chi đầu tư phát triển 132 tỷ 423 triệu đồng, điều chỉnh tăng 13.300.000.000 đồng (Vốn phân cấp theo tiêu chí: 119 tỷ 123 triệu đồng, Vốn ngân sách huyện: 13 tỷ 300 triệu đồng); Chi đầu tư phát triển khác: 3 tỷ đồng; Chi thường xuyên 583.832.000.000 đồng, điều chỉnh tăng 5.112.000.000 đồng; Dự phòng 16 tỷ 00 triệu đồng; Kết dư: 00 đồng.

(Đính kèm phụ lục I, phụ lục II).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khóa III, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT.HU; TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBNDTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, Đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- CSDL HĐND các cấp;
- Lưu: VT



CHỦ TỊCH
Nguyễn Thanh Khiêm



PHỤ LỤC I
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NĂM 2024 HUYỆN BÀU BÀNG

(Đính kèm Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) Giảm (-)	Dự toán điều chỉnh
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>		
Tổng thu ngân sách nhà nước huyện (A+II+III+IV)	1,201,448	1,201,448	18,412	1,219,860
A. Thu từ SXKD trong nước NSDP được hưởng	638,000	638,000	0	0
1. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0		
- Thuế giá trị gia tăng				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
2. Thuế ngoài quốc doanh	114,000	114,000		
- Thuế môn bài				
- Thuế giá trị gia tăng	90,000	90,000		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24,000	24,000		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0		
- Thuế tài nguyên				
- Thu khác				
3. Thu lệ phí trước bạ	34,000	34,000		
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5,000	5,000		
6. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	35,000	35,000		
Trđó: Thu tiền cho thuê đất, mặt nước ngoài khu CN	35,000	35,000		
7. Thu tiền sử dụng đất	345,000	345,000		
8. Thu phí và lệ phí (bao gồm lệ phí môn bài do huyện quản lý)	7,000	7,000		
9. Thuế thu nhập cá nhân	60,000	60,000		
10. Thu khác ngân sách	38,000	38,000		
Trđó: Huyện TTQL	14,975	14,975		
11. Thu tiền cấp quyền khai thác				
B. Tổng thu ngân sách địa phương	716,843	716,843	18,412	735,255
I. Tổng các khoản thu NSDP được hưởng theo phân cấp	153,395	153,395		
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	95,975	95,975		
2. Thu phân chia theo tỷ lệ %	57,420	57,420		
II. Thu bổ sung từ NS cấp trên thời kỳ ổn định giai đoạn 2023 - 2025	528,255	528,255		
1. Bổ sung cân đối ngân sách	526,342	526,342		
+ Bổ sung thời kỳ ổn định	0	0		
+ Bổ sung thêm giai đoạn	526,342	526,342		
T/đó Bổ sung cân đối do hụt thu				
2. Bổ sung có mục tiêu	1,913	1,913		
+ Bổ sung vốn mục tiêu khác (ATGT)	839	839		
+ Bổ sung thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025	1,074	1,074		

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) Giảm (-)	Dự toán điều chỉnh
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>		
III. Thu kết dư	0	0		
IV. Thu chuyển nguồn	35,193	35,193	18,412	53,605
Trong đó:				
<i>Nguồn cải cách tiền lương năm 2024</i>		35,193	0	35,193
<i>Nguồn tăng thu tiết kiệm chi khối huyện</i>	0	0	18,412	18,412
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	0	0		
Tổng thu	716,843	716,843	18,412	735,255
Tổng thu Cân đối	716,843	716,843	18,412	735,255
Tổng chi cân đối	716,843	716,843	18,412	735,255
Bội thu (+) Bội chi (-)	0	0	0	0

PHỤ LỤC II
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 HUYỆN BÀU BÀNG



(Đính kèm Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) Giảm (-)	Dự toán điều chỉnh
<i>1</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV+V+VI)	716,843	716,843	18,412	735,255
I. Chi đầu tư phát triển	119,124	119,123	13,300	132,423
- Vốn xô số kiến thiết				
- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ				
- Vốn phân cấp theo tiêu chí	119,124	119,123		119,123
- Vốn ngân sách huyện			13,300	13,300
- Bổ sung có mục tiêu				
II. Chi đầu tư phát triển khác		3,000	0	3,000
1. Vốn Ủy thác qua ngân hàng chính sách năm 2024		3,000	0	0
III. Chi thường xuyên	581,788	578,720	5,112	583,832
1. Chi sự nghiệp kinh tế		59,500	-4,484	55,016
- Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi		12,000	-1,623	10,377
- Chi sự nghiệp giao thông		20,000	0	20,000
- Chi kiến thiết thị chính		1,500	-500	1,000
- Chi SN môi trường		20,000	-1,320	18,680
- Chi sự nghiệp kinh tế khác		6,000	-1,041	4,959
2. SN giáo dục - đào tạo dạy nghề	250,672	225,000	25,672	250,672
- Sự nghiệp giáo dục			0	0
- SN giáo dục - đào tạo dạy nghề			0	0
3. SN Y Tế		38,000	-2,813	35,187
4. Chi SN VH TT		6,016	996	7,012
- SN VH TT		4,500	996	5,496
- SN TDTT		1,516	0	1,516
5. SN Phát thanh truyền hình		2,400	0	2,400
6. SN khoa học công nghệ	700	1,300	0	1,300

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán Huyện giao	Tăng (+) Giảm (-)	Dự toán điều chỉnh
<i>1</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
7. Chi đảm bảo xã hội (Trong đó: 1.074 triệu KP CTMTGG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025)		25,000	5,112	30,112
8. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể		54,000	-2,834	51,166
9. Chi an ninh quốc phòng		22,000	-3,040	18,960
- An ninh		8,000	-748	7,252
- Quốc phòng		14,000	-2,292	11,708
10. Chi khác ngân sách (Trong đó: 839 triệu KPATGT)		4,000	-1,000	3,000
Tr. Đó bố trí thêm cho huyện giảm nhiều so với năm 2021			0	0
11. Chi NS xã		141,504	-12,497	129,007
IV. Chi tạm ứng			0	0
V. Chi chuyển nguồn				
VI. Dự phòng	14,018	16,000	0	16,000
- Dự phòng cấp huyện		13,000	0	13,000
- Dự phòng cấp xã, thị trấn		3,000	0	3,000
VII. Chi tạo nguồn CCTL				
VIII. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Từ nguồn NS cấp tỉnh BS có mục tiêu)	1,913	0		
+ Kinh phí ATGT	839			
+ Chi thực hiện KH 5907/KH-UBND thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025	1,074			